UBND TỈNH BẮC KẠN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH NĂM 2023

BIỂU KẾT QUẢ THI (VÒNG 1) KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH BẮC KẠN NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 181/TB-HĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2023)

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*		*14*		*15*	
1	001	01	Cam Thị	Ánh	06/10/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	50/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
2	002	01	Hoàng Thị	Diệu	25/11/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	56/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
3	003	01	Nguyễn Thị Ngân	Duyên	24/11/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	44/60	Đạt	20/30	Đạt	23/30	Đạt
4	004	01	Nông Thị	Êm	14/02/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	51/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
5	005	01	Lý Thị Thu	Hà	19/12/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật; Tài chính ngân hàng	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	49/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
6	006	01	Nông Thị Thu	Hiền	31/07/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
7	007	01	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa	20/04/1992	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	51/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
8	008	01	Nông Đức	Hoành	20/08/1997	Nam	Tày	Đại học	Luật; Ngôn ngữ Anh	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	54/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
9	009	01	Tô Khánh	Huyền	22/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	52/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
10	010	01	Lý Thị Phương	Lan	05/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
11	011	01	Lộc Thị	Lê	18/09/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	56/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
12	012	01	Đào Quang	Nam	11/07/2001	Nam	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
13	013	01	Lưu Thị Phong	Nhã	02/09/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
14	014	01	Hoàng Thị Bé	Nhài	24/01/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
15	015	01	Triệu Thị	Nhói	09/8/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	55/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
16	016	01	Đàm Phương	Oanh	14/9/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	42/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
17	017	01	Lệnh Thị	Oánh	26/01/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
18	018	01	Dương Thị	Quỳnh	20/01/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
19	019	01	Lý Văn	Thậm	12/12/1992	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	57/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
20	020	01	Nguyễn Phương	Thảo	22/08/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
21	021	01	Nguyễn Thị Huyền	Thương	05/12/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	57/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
22	022	01	Nông Thị	Thủy	04/6/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
23	023	01	Phùng Khánh	Toàn	12/11/1999	Nam	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	50/60	Đạt	17/30	Đạt	19/30	Đạt
24	024	01	Vi Thị Huyền	Trang	08/10/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	47/60	Đạt	20/30	Đạt	15/30	Đạt

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
25	025	01	Ma Thị Minh	Yến	01/02/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Chuyên viên	55/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
26	026	01	Hoàng Mạnh	Hùng	10/06/1990	Nam	Nùng	Đại học	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	Sở Công thương	Chuyên viên	47/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
27	027	01	Lường Thị	Mến	22/7/1996	Nữ	Tày	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Quản lý công nghiệp	Sở Công thương	Chuyên viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
28	028	01	Hoàng Thuý	Quỳnh	24/12/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	Sở Công thương	Chuyên viên	54/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
29	029	02	Nguyễn Diệu	Anh	19/12/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	41/60	Đạt	23/30	Đạt	29/30	Đạt
30	030	02	Nông Thị Tú	Anh	28/09/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
31	031	02	Phạm Hồng	Ánh	30/12/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	50/60	Đạt	25/30	Đạt	21/30	Đạt
32	032	02	Ma Viết	Đoàn	05/07/2000	Nam	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
33	033	02	Chu Thị	Duyên	16/07/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
34	034	02	Doanh Thu	Hiền	02/03/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	54/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
35	035	02	Bế Nguyễn	Huệ	21/02/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
36	036	02	Đàm Thu	Hương	08/11/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
37	037	02	Trần Thanh	Huyền	10/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
38	038	02	Hoàng Thị	Lê	23/12/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
39	039	02	Triệu Thị	Liên	12/04/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	52/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
40	040	02	Phạm Thị	Linh	19/12/1998	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	54/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
41	041	02	Vương Nhật	Minh	30/04/1998	Nam	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
42	042	02	Ma Thị Thuý	Mơ	24/01/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
43	043	02	La Thị	Nhớ	05/7/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Luật học	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	49/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
44	044	02	Lưu Thị	Nhung	07/03/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	44/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
45	045	02	Nông Thị	Nhung	20/03/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	47/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
46	046	02	Trương Kim	Oanh	29/12/2000	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	59/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
47	047	02	Hoàng Thị	Thắm	07/03/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	53/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
48	048	02	Nguyễn Đình	Thắng	12/05/1999	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	24/30	Đạt	19/30	Đạt
49	049	02	La Thị	Thảo	27/02/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	42/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
50	050	02	Hoàng Thị	Thu	27/08/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
51	051	02	Hà Thị	Thủy	13/12/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
52	052	02	Lý Thị Ngọc	Trâm	03/10/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
53	053	02	Nguyễn Nam	Trang	14/02/1994	Nam	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	49/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
54	054	02	Nguyễn Thị	Trang	18/05/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật học chuẩn	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
55	055	02	Tô Thị Huyền	Trang	06/06/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên	35/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
56	056	02	Mai Vũ	Tuấn	01/02/1995	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
57	057	03	Nguyễn Thị	Đào	14/3/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý Nhà nước	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	44/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
58	058	03	Hoàng Kim	Huê	12/01/2000	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý hoạt động tư tưởng văn hóa (Chính trị học)	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	42/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
59	059	03	Hoàng Phương	Uyên	24/10/2001	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học quản lý	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	56/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
60	060	03	Vũ Minh	Thư	24/9/2000	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	59/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
61	061	03	Hoàng Huyền	Trâm	13/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước (Quản lý công)	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
62	062	03	Doanh Quỳnh	Nga	11/11/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
63	063	03	Ma Thị Thùy	Linh	23/4/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác Thanh thiếu niên	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	45/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
64	064	03	Triệu Bích	Phượng	26/6/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
65	065	03	Lâm Nguyễn	Chi	13/5/1999	Nữ	Tày	Đại học	Lữ hành - Hướng dẫn du lịch	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	49/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
66	066	03	Ma Ngọc	Yến	29/06/2001	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính Bảo hiểm (Tài chính ngân hàng)	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
67	067	03	Nông Phương	Mai	15/6/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
68	068	03	Hà Kim	Chi	15/8/1999	Nữ	Tày	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	41/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
69	069	03	Đinh Thị	Ngọc	27/10/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý chung (Quản lý Nhà nước)	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
70	070	03	Nguyễn Đình	Duyến	28/9/2000	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học cây trồng	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	41/60	Đạt	20/30	Đạt	11/30	Không đạt
71	071	03	Hoàng Thị Kiều	Trang	29/3/2000	Nữ	Tày	Đại học	Công tác Thanh thiếu niên	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Tỉnh đoàn	Chuyên viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
72	072	03	Nông Thị	Trang	08/9/1995	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
73	073	03	Nông Thị	Ngân	04/01/1982	Nữ	Tày	Đại học - ThS	- Sư phạm Lịch sử - Quản lý giáo dục	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
74	074	03	Hoàng Thùy	Lan	07/4/1992	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	56/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
75	075	03	Bàn Văn	Tiên	16/4/1985	Nam	Dao	Đại học	Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
76	076	03	Đinh Việt	Nhật	04/8/2000	Nam	Kinh	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
77	077	03	Chu Thị Minh	Hiếu	19/12/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
78	078	03	Triệu Thị	Hiền	23/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Văn học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	44/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
79	079	03	Hoàng Thị	Nghĩa	24/7/1995	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học quản lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
80	080	03	Nông Thị	Liễu	19/02/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
81	081	03	Nguyễn Thị	Nhàn	20/01/1991	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học môi trường	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	51/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
82	082	03	Hoàng Mùi	Nhậy	05/9/1996	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý Nhà nước về văn hóa các dân	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
83	083	03	Trần Thanh	Tùng	17/3/2001	Nam	Kinh	Đại học	Luật học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	26/30	Đạt	19/30	Đạt
84	084	04	Hoàng Thị	Siên	28/8/1996	Nữ	Dao	Đại học	Giáo dục Chính trị	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
85	085	04	Bế Thị Thu	Hà	26/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
86	086	04	Đoàn Thị	Mến	28/8/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Văn học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
87	087	04	Ma Thị	Liên	18/02/1991	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Vật lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
88	088	04	Lương Thị	Hạnh	08/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Tin học kế toán	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt		Miễn thi		Miễn thi
89	089	04	Nông Thị	Xuân	30/11/1995	Nữ	Tày	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	46/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
90	090	04	Liêu Nhật	Lệ	30/5/1995	Nữ	Tày	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	47/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
91	091	04	Nguyễn Thị	Thùy	21/12/1996	Nữ	Tày	Đại học	Chính trị học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	52/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
92	092	04	Đặng Thị	Mai	17/01/2000	Nữ	Dao	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
93	093	04	Đồng Thị	Chanh	18/12/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	56/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
94	094	04	Đồng Hoàng	Hữu	18/11/1995	Nam	Tày	Đại học	Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
95	095	04	Phan Lệ	Thảo	19/7/1993	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
96	096	04	Đàm Nhật	Lệ	01/8/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
97	097	04	Lường Thị	Hằng	30/8/1997	Nữ	Tày	Đại học	Công tác thanh niên	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	35/60	Đạt	14/30	Không đạt		Miễn thi
98	098	04	Nông Thị	Nhung	20/3/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
99	099	04	Triệu Thị	Vân	20/01/1996	Nữ	Dao	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
100	100	04	Nông Quốc	Chấn	10/3/1989	Nam	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	56/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
101	101	04	Nông Thị Tú	Anh	28/9/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	58/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
102	102	04	Ngô Thị	Dương	25/5/1993	Nữ	Tày	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
103	103	04	Dương Văn	Đôn	26/10/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
104	104	04	Ma Thị Phương	Thảo	05/8/1996	Nữ	Tày	Đại học - ThS	- Giáo dục Chính trị - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
105	105	04	Nông Thị	Thư	15/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học quản lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	42/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
106	106	04	Nông Thị	Bến	01/7/1988	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Địa lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	52/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
107	107	04	Ma Thị Hồng	Vân	13/8/1994	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học Quản lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
108	108	04	Hứa Nguyễn Thúy	Nga	04/3/2000	Nữ	Tày	Đại học	Song ngữ Trung - Anh	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
109	109	04	Trương Thị	Bày	04/7/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
110	110	04	Doanh Hồng	Minh	09/6/1993	Nữ	Tày	Đại học	Nông lâm kết hợp	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
111	111	04	Nông Thị	Hà	21/3/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
112	112	04	Hoàng Thị	Ngà	17/12/1993	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	55/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
113	113	04	Lý Thanh	Tuyền	22/3/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
114	114	04	Lăng Thị Minh	Huệ	27/5/1996	Nữ	Tày	Đại học - ThS	- Luật - Luật dân sự và tố	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	52/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
115	115	04	Hoàng Thị	Thủy	10/02/1995	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính ngân hàng	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
116	116	04	Hà Anh	Tuấn	01/8/1987	Nam	Tày	Đại học	Chính trị học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
117	117	04	Nông Thị	Linh	27/8/1993	Nữ	Tày	Đại học	Địa lý	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
118	118	04	Hà Nhật Vi	Khanh	24/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
119	119	04	Bế Thị	Chiều	27/9/1997	Nữ	Tày	Đại học	Giáo dục tiểu học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên	39/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
120	120	04	Dương Mai	Son	14/8/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
121	121	04	Dương Thị	Thảo	17/5/1993	Nữ	Tày	Đại học	Văn hóa học	Chuyên viên	Huyện ủy Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
122	122	05	Chu Hồng	Anh	01/11/2000	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	41/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
123	123	05	Cà Ngọc	Doanh	14/8/1996	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	48/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
124	124	05	Nguyễn Đăng	Khôi	05/12/2001	Nam	Tày	Đại học	Quản trị kinh doanh	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
125	125	05	Ngô Diễm	My	14/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
126	126	05	Đào Thị	My	10/10/1994	Nữ	Mông	Đại học	Quản lý công	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
127	127	05	Lý Văn	Phú	05/5/1993	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	52/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
128	128	05	Triệu Khánh	Phương	07/5/1991	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	46/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
129	129	05	Đinh Văn	Thực	28/10/1998	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
130	130	05	Hoàng Thị	Tuyết	23/5/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Quản lý chính sách người có công, quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
131	131	05	Đàm Văn	Chung	09/7/1998	Nam	Tày	Đại học	Xã hội học	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	46/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
132	132	05	Nông Thị	Diễm	09/01/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
133	133	05	Nguyễn Thị	Diễm	03/5/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	41/60	Đạt	13/30	Không đạt		Miễn thi
134	134	05	Hoàng Quỳnh	Diệp	25/5/2001	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	39/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
135	135	05	Nông Thị Hương	Giang	22/02/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	50/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
136	136	05	Triệu Trà	Giang	01/5/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	36/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
137	137	05	Hoàng Thu	Hà	02/02/1996	Nữ	Mông	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
138	138	05	Bế Thị Thu	Hằng	16/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	58/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
139	139	05	Hoàng Thị	Hằng	08/01/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
140	140	05	Tống Triệu Diệu	Hương	30/7/2001	Nữ	Dao	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	52/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
141	141	05	Hà Nhật Vi	Khanh	24/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
142	142	05	Nguyễn Thị Lam	Kiều	11/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	56/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
143	143	05	Triệu Thị Mai	Lan	06/5/1995	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	37/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
144	144	05	Đàm Thị	Lan	20/9/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	51/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
145	145	05	Triệu Hoàng	Lệ	24/4/1998	Nữ	Tày	Đại học	Xã hội học	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	46/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
146	146	05	Mạc Thị	Linh	09/11/1998	Nữ	Tày	Đại học	Xã hội học	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	42/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
147	147	05	Thèn Diệu	Linh	16/7/1997	Nữ	Mông	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	52/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
148	148	05	Bùi Gia	Linh	18/5/1999	Nữ	Mường	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	40/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
149	149	05	Hà Minh	Nhài	14/6/1992	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	43/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
150	150	05	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/10/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
151	151	05	Lê Thị	Tấm	06/12/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	40/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
152	152	05	Lý Phương	Thảo	07/5/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	42/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
153	153	05	Nông Thị Hoài	Thu	01/9/1995	Nữ	Tày	Đại học	Xã hội học	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	52/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
154	154	05	Nông Lệ	Thư	09/02/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	48/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
155	155	05	Nông Minh	Trí	22/10/1999	Nam	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
156	156	05	Hoàng Bảo	Trúc	19/9/1992	Nam	Tày	Đại học	Xã hội học	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
157	157	05	Nông Thanh	Tùng	25/3/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
158	158	05	Triệu Thị	Tuyết	20/01/1997	Nữ	Dao	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
159	159	05	Hà Triệu	Vy	21/6/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	41/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
160	160	05	Tô Thị Hải	Yến	11/8/1995	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	56/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
161	161	06	Bùi Ngọc	Anh	10/02/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	38/60	Đạt	20/30	Đạt	15/30	Đạt
162	162	06	Trần Mạnh	Cường	19/06/1990	Nam	Nùng	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
163	163	06	Nguyễn Thị	Diễm	09/03/1995	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	37/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
164	164	06	Nguyễn Thị	Hà	17/10/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	55/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
165	165	06	Lý Thị Thu	Hiền	03/02/1993	Nữ	Tày	Đại học; thạc sĩ	Đại học ngành Kế toán; Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
166	166	06	Hoàng Thị	Huyền	10/9/1998	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
167	167	06	Ma Thị Ngọc	Liễu	09/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	49/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
168	168	06	Phạm Thu	Minh	28/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	45/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
169	169	06	Hoàng Thị Hồng	Nhung	08/10/1993	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
170	170	06	Nguyễn Thị	Phượng	04/3/1992	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
171	171	06	Hoàng Thị Minh	Son	03/01/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
172	172	06	Nguyễn Minh	Thảo	10/02/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
173	173	06	Nông Thu	Thủy	13/8/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	49/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
174	174	06	Ma Văn	Toại	12/01/1984	Nam	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	50/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
175	175	06	Trương Thị	Trang	15/12/1981	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
176	176	06	Phương Quỳnh	Trang	23/02/2001	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Văn phòng UBND tỉnh	Kế toán viên	46/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
177	177	06	Vi Thị	Bích	19/11/1999	Nữ	Thái	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	53/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
178	178	06	Lục Thị	Chi	11/7/2000	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	45/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
179	179	06	Trịnh Thị	Chuyên	07/10/1998	Nữ	Dao	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	41/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
180	180	06	Hà Văn	Cương	08/10/1994	Nam	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	40/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
181	181	06	Kim Thị	Diệp	16/9/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	37/60	Đạt	13/30	Không đạt		Miễn thi
182	182	06	Mạc Thị	Điệp	10/6/1991	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
183	183	06	Hoàng Thị	Hằng	30/3/1992	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
184	184	06	Hà Thị Thu	Huyền	25/5/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	55/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
185	185	06	Khương Thị Thùy	Linh	11/01/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	34/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
186	186	06	Lý Trà	My	11/01/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	44/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
187	187	06	Bế Thị	Thùy	14/4/1989	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	48/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
188	188	06	Trương Mạnh	Tiến	19/9/1992	Nam	Ngái	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
189	189	06	Đoàn Văn	Tình	19/5/1991	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	47/60	Đạt	14/30	Không đạt		Miễn thi
190	190	06	Phạm Thu	Trà	28/02/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	39/60	Đạt	15/30	Đạt	17/30	Đạt
191	191	06	Lộc Văn	Tuấn	03/10/1993	Nam	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán viên	34/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
192	192	06	Lý Linh	Chi	10/8/1998	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
193	193	06	Dương Khánh	Chinh	22/12/2001	Nam	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	37/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
194	194	06	Nguyễn Thành	Đạt	26/5/2001	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	47/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
195	195	06	Trương Khánh	Hòa	18/10/2001	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	48/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
196	196	06	Nguyễn Thanh	Huyền	24/6/1985	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	47/60	Đạt	20/30	Đạt	9/30	Không đạt
197	197	07	Nguyễn Thanh	Lâm	29/6/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	47/60	Đạt	19/30	Đạt	19/30	Đạt
198	198	07	Hoàng Thị Ngọc	Lan	05/11/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
199	199	07	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	10/10/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	47/60	Đạt	18/30	Đạt	18/30	Đạt
200	200	07	Phạm Thị	Minh	20/8/1985	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	37/60	Đạt	18/30	Đạt	19/30	Đạt
201	201	07	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/11/1991	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	55/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
202	202	07	Nguyễn Thảo	Nhung	13/01/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	40/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
203	203	07	Ma Thị	Nự	12/01/1986	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
204	204	07	Trần Thị Hoài	Phương	21/8/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
205	205	07	Nông Thị	Thanh	28/6/1994	Nam	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
206	206	07	Dương Phương	Thảo	01/12/2001	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
207	207	07	Mạch Thị	Thoa	20/6/1992	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	43/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
208	208	07	Nguyễn Minh	Thúy	21/9/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	43/60	Đạt	22/30	Đạt	11/30	Không đạt
209	209	07	Nguyễn Đức	Tiền	14/11/1998	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
210	210	07	Hoàng Thị Thu	Trang	26/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên	54/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
211	211	07	Vũ Thị	Uyên	02/9/2000	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Sở Xây dựng	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
212	212	07	Triệu Thị	Chày	02/02/2000	Nữ	Dao	Đại học	Kế toán	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
213	213	07	Hoàng Văn	Hợp	14/3/1997	Nam	Sán Chi	Đại học	Kế toán	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên	31/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
214	214	07	Thiêm Thị	Huệ	21/3/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên	49/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
215	215	07	Hoàng Thị	Phượng	26/10/1997	Nữ	Dao	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên	39/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
216	216	07	Lê Kim	Thoa	05/4/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên	49/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
217	217	07	Lành Thị Thu	Thụy	21/11/2000	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán công	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
218	218	07	Hà Thị	Vân	24/10/1993	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	UBND huyện Ngân Sơn	Kế toán viên	54/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
219	219	07	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/9/1991	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Huyện ủy Ngân Sơn	Kế toán viên	51/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
220	220	07	Hoàng Thị	Hồng	28/10/987	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Huyện ủy Ngân Sơn	Kế toán viên	52/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
221	221	07	Nguyễn Thị	Hà	17/10/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Huyện ủy Ngân Sơn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
222	222	07	Bế Ngọc	Ánh	21/6/1998	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Kế toán	Huyện ủy Ngân Sơn	Kế toán viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
223	223	07	Đinh Văn	Tuấn	24/12/1987	Nam	Tày	Đại học	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Huyện ủy Ngân Sơn	Kế toán viên	57/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
224	224	08	Ngô Thị	Bích	10/09/1997	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	41/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
225	225	08	Nguyễn Thị	Bình	02/04/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	45/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
226	226	08	Hoàng Thị	Châm	11/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
227	227	08	Hoàng Thị	Diệu	27/06/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	39/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
228	228	08	Dương Văn	Doanh	03/03/1996	Nam	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	57/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
229	229	08	Mai Thị	Hạnh	26/09/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	53/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
230	230	08	Nguyễn Thị Bích	Hồng	02/09/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	53/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
231	231	08	Lê Thị Hoàng	Hương	29/03/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Luật thương mại quốc tế	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	55/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
232	232	08	Chu Thúy	Lan	10/03/1998	Nữ	Dao	Đại học	Luật học	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	54/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
233	233	08	Triệu Thị Ngọc	Lan	03/12/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	50/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
234	234	08	Bàn Thị Hải	Lý	19/12/2000	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
235	235	08	Lương Văn	Mạnh	23/08/1994	Nam	Tày	Đại học	Luật kinh doanh	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
236	236	08	Hoàng Thị Bình	Minh	04/5/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	55/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
237	237	08	Nông Thị	Mơ	26/10/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
238	238	08	Nông Thị	Quyến	23/06/1992	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
239	239	08	Lê Thị Phương	Thảo	03/04/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	58/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
240	240	08	Lương Văn	Thiết	05/04/1994	Nam	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	54/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
241	241	08	Lý Thị Quỳnh	Thư	25/06/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
242	242	08	Hoàng Thị	Thúy	08/11/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
243	243	08	Đinh Thị Diệu	Thúy	05/05/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	35/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
244	244	08	Dương Thị Thu	Thủy	26/07/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	54/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
245	245	08	Lý Thu	Trà	06/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	35/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
246	246	08	Nguyễn Thị	Trà	02/01/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật Kinh tế	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
247	247	08	Nông Thị	Trà	10/01/2000	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
248	248	08	Lý Thanh	Tuyền	22/03/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
249	249	08	Nông Thị	Âm	03/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
250	250	08	Trần Ngọc	Anh	30/7/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	52/60	Đạt	27/30	Đạt	22/30	Đạt
251	251	08	Bế Thị	Chi	27/9/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
252	252	08	Nguyễn Thị	Đào	14/3/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
253	253	08	Đặng Quỳnh	Diễm	03/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
254	254	08	Đinh Phùng	Diệp	09/8/1997	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	45/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
255	255	08	Nông Hương	Diệp	01/01/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
256	256	08	Ma Thị Quỳnh	Diệp	20/5/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
257	257	08	Ma Thị	Đoan	18/02/1997	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
258	258	08	Ma Thị	Dung	26/4/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
259	259	08	Dương Khánh	Duy	23/11/1993	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	54/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
260	260	08	Hoàng Thị	Hiền	26/02/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	46/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
261	261	08	Nông Thị	Hoa	20/10/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	49/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
262	262	09	Long Thị	Huyền	30/01/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	56/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
263	263	09	Đặng Mùi	Khe	15/6/1997	Nữ	Dao	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	51/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
264	264	09	Đồng Phúc	Khuynh	07/6/1999	Nam	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
265	265	09	Nguyễn Tùng	Lâm	05/07/1999	Nam	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	42/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
266	266	09	Hà Thị	Lan	13/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	50/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
267	267	09	Triệu Thị Khánh	Liên	07/12/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	45/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
268	268	09	Lài Thị	Linh	11/6/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
269	269	09	Dương Thị	Linh	16/6/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
270	270	09	Triệu Thị	Loan	06/4/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	54/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
271	271	09	Hà Thị	Na	29/9/1992	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	45/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
272	272	09	Hoàng Thị	Ngân	28/8/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
273	273	09	Hạ Thị Hồng	Nhung	26/02/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	50/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
274	274	09	Mã Thị	Nương	15/12/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
275	275	09	Hoàng Thị	Phượng	04/6/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
276	276	09	Hoàng Thị	Quế	19/9/1997	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
277	277	09	Hoàng Minh	Son	14/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Hệ thống thông tin	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	45/60	Đạt		Miễn thi		Miễn thi
278	278	09	Ma Văn	Thắng	21/7/1999	Nam	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	42/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
279	279	09	Lộc Thị	Thảo	17/8/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	48/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
280	280	09	Ma Thị	Thảo	27/12/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	56/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
281	281	09	Nguyễn Đức	Thiên	14/6/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
282	282	09	Hà Hoài	Thương	15/8/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	52/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
283	283	09	Luân Thị	Thùy	22/01/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	57/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
284	284	09	Bàn Văn	Tiên	16/4/1985	Nam	Dao	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
285	285	09	Trần Quốc	Toản	03/10/1999	Nam	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	39/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
286	286	09	Hoàng Huyền	Trâm	13/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
287	287	09	Hà Thị	Trang	14/8/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
288	288	09	Luân Thị	Trinh	20/9/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	54/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
289	289	09	Hứa Bảo	Trung	09/01/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	51/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
290	290	09	Lưu Thị Thùy	Vân	05/5/1995	Nam	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	57/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
291	291	09	Vũ Thị	Vân	06/6/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý nhà nước	Hành chính tổng hợp *(Lĩnh vực Nội chính)*	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	45/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
292	292	10	Triệu Mùi	Chàn	18/07/1997	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	45/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
293	293	10	Chu Thị An	Dân	29/10/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
294	294	10	Dương Thị	Diệu	24/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
295	295	10	Nông Trường	Du	09/01/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	53/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
296	296	10	Trần Thép	Giáp	04/12/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
297	297	10	Mông Đức	Hoàng	06/07/1995	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
298	298	10	Nông Văn	Huấn	28/01/1992	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	51/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
299	299	10	Nông Văn	Hựu	15/01/1992	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
300	300	10	Nguyễn Thị	Huyền	20/10/1992	Nữ	Cao Lan	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	49/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
301	301	10	Ma Ngọc	Huỳnh	04/12/1991	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	55/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
302	302	10	Bế Thiện	Long	11/09/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	53/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
303	303	10	Hoàng Nhật	Nam	16/04/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
304	304	10	Phạm Thu	Nga	26/08/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	42/60	Đạt	21/30	Đạt	21/30	Đạt
305	305	10	Triệu Thị Kim	Ngân	14/09/1996	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	48/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
306	306	10	Hoàng Thị	Ngọc	13/06/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	47/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
307	307	10	Hà Thị	Nguyệt	12/02/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	42/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
308	308	10	Lý Thị	Quan	19/8/1994	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	46/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
309	309	10	Bàn Ngọc	Tuyết	21/11/1995	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	48/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
310	310	10	Hoàng Đình	Việt	25/11/1991	Nam	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	50/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
311	311	10	Triệu Thị	Xuyến	01/04/1996	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
312	312	10	Vũ Hải	Yến	06/07/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Chuyên viên	49/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
313	313	11	Hứa Văn	Bảo	14/02/1997	Nam	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
314	314	11	Hoàng Thị	Bay	06/02/1995	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
315	315	11	Dương Thị Kim	Chi	30/09/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	50/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
316	316	11	Nông Thế	Chiến	10/06/1998	Nam	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	41/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
317	317	11	Nông Văn	Chuyên	17/11/1996	Nam	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
318	318	11	Hoàng Thị	Đầm	24/11/1997	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
319	319	11	Hoàng Tô	Đạt	12/06/1993	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
320	320	11	Vy Thị	Đẹp	16/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	41/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
321	321	11	Nông Thị	Giang	08/12/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
322	322	11	Hà Thị	Hải	07/9/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
323	323	11	Lường Thị	Hiên	02/10/1996	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	50/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
324	324	11	Lăng Thị	Hiền	10/05/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
325	325	11	Cà Thị	Hoa	26/07/1993	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
326	326	11	Tạ Doanh Thu	Hoài	22/04/1999	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	45/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
327	327	11	Nguyễn Hà Phương	Lan	25/07/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
328	328	11	Đồng Thị	Lan	25/04/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	42/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
329	329	11	Dương Thị	Lành	09/12/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	47/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
330	330	11	Giá Thị	Loan	26/02/1991	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	38/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
331	331	11	Tào Thị	Luân	30/03/1995	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
332	332	11	Lục Thị Yêm	Ly	24/12/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	45/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
333	333	11	Hoàng Kim	Mẫn	25/08/1992	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
334	334	11	Hoàng Thị	Mơ	08/01/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
335	335	11	Hà Thị	Nga	24/04/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	54/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
336	336	12	Triệu Thị	Ngân	20/03/1993	Nữ	Tày	Đại học	Kinh doanh quốc tế	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
337	337	12	Triệu Thị	Ngọc	21/08/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
338	338	12	Nông Trang	Nhã	20/05/1996	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	34/60	Đạt	14/30	Không đạt		Miễn thi
339	339	12	Ma Thị Thu	Nhài	30/10/1996	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
340	340	12	Hà Thị Lường	Quỳnh	16/10/1997	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	40/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
341	341	12	Bế Thị	Thắm	01/01/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
342	342	12	Lý Thị	Thảo	29/05/1998	Nữ	Dao	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
343	343	12	Lý Thị	Thùy	09/03/1996	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	39/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
344	344	12	Nguyễn Thị Thu	Thủy	30/06/1994	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	37/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
345	345	12	Nguyễn Thị	Tình	23/07/1998	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
346	346	12	Liêu Thị Thùy	Trang	14/02/1992	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
347	347	12	Hoàng Thị	Trang	06/11/1998	Nữ	Dao	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
348	348	12	Sầm Thị Thu	Trang	17/03/1991	Nữ	Tày	Đại học	Công tác xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
349	349	12	Bạc Thị	Chuyên	29/6/1999	Nữ	Thái	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
350	350	12	Triệu Thị	Lẫm	01/6/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	37/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
351	351	12	Lý Thị	Na	14/01/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	48/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
352	352	12	Hà Thị	Nghiệp	20/4/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	44/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
353	353	12	Nông Bảo	Nhật	03/12/1995	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	48/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
354	354	12	Triệu Tòn	Sếnh	11/10/1994	Nam	Dao	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	43/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
355	355	12	Dương Thị	Sỹ	01/02/2000	Nữ	Mông	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	44/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
356	356	12	Triệu Thị	Thơ	12/9/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	50/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
357	357	12	Trung Ngọc	Trần	28/9/1994	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
358	358	12	Hoàng Thị Thu	Trang	27/5/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	UBND huyện Pác Nặm	Chuyên viên	39/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
359	359	12	Lê Quang	Đạt	10/9/1990	Nam	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	39/60	Đạt	19/30	Đạt	9/30	Không đạt
360	360	12	Dương Cao	Phóng	11/11/1993	Nam	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	34/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
361	361	12	Đinh Văn	Phúc	15/3/1993	Nam	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	28/60	Không đạt	14/30	Không đạt		Miễn thi
362	362	12	Lục Thị	Thư	06/8/1990	Nữ	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
363	363	12	Nông Thị Hương	Trà	06/5/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	41/60	Đạt	10/30	Không đạt		Miễn thi
364	364	12	Lý Văn	Truyền	22/6/2000	Nam	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất	Quản lý về Thể dục thể thao	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	26/60	Không đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
365	365	13	Hà Thị	Chinh	31/3/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
366	366	13	Nguyễn Duy	Chính	22/9/2000	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
367	367	13	Nguyễn Thị	Hậu	26/9/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	43/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
368	368	13	Nguyễn Thu	Hiền	01/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	34/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
369	369	13	Mạc Thị	Hoa	14/5/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	51/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
370	370	13	Lý Thị	Hợi	03/3/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	34/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
371	371	13	Hà Nam	Huy	19/11/1996	Nam	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	46/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
372	372	13	La Thị	Liền	04/9/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
373	373	13	Hoàng Thị Phương	Linh	27/7/2001	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế đầu tư	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	41/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
374	374	13	Chu Thị Thu	Nga	05/9/2001	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	41/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
375	375	13	Triệu Ngọc	Nhung	25/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế đầu tư	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
376	376	13	Nông Thị	San	05/4/1993	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
377	377	13	Hứa Lại	Tấn	06/12/1997	Nam	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	48/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
378	378	13	Vũ Quang	Thanh	02/10/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
379	379	13	Triệu Tuấn	Thành	26/4/2001	Nam	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
380	380	13	Lê Thị Thu	Thủy	16/12/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	48/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
381	381	13	Hoàng Ngọc	Thúy	05/11/1993	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
382	382	13	Triệu Thị	Tiên	01/01/1995	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	44/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
383	383	13	Lý Hương	Trà	20/4/2001	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế phát triển	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	39/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
384	384	13	Nông Thị Thảo	Trang	20/12/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	53/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
385	385	13	Triệu Kiều	Trinh	02/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	48/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
386	386	13	Trương Thị	Tuyết	29/02/1996	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
387	387	13	Hoàng Thị	Yến	09/4/1996	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên	56/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
388	388	13	Hà Thị	Huyền	02/6/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	44/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
389	389	13	Hà Thị	Long	13/12/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	44/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
390	390	13	Vy Thị	Nguyệt	17/9/1997	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	44/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
391	391	13	Đoàn Thị	Nhàn	14/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
392	392	13	Trần Thị Kim	Oanh	29/9/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	47/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
393	393	13	Lường Thị	Thiên	03/6/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	39/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
394	394	13	Ma Thị	Vân	20/12/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý văn hóa	Quản lý di sản văn hóa	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Chuyên viên	40/60	Đạt	13/30	Không đạt		Miễn thi
395	395	14	Nguyễn Việt	Anh	16/12/1991	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
396	396	14	Triệu Thị Kim	Anh	14/4/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
397	397	14	Đinh Thị Vân	Anh	12/12/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
398	398	14	Đỗ Tuấn	Anh	15/01/1995	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38/60	Đạt	26/30	Đạt	18/30	Đạt
399	399	14	Hoàng Trung	Anh	06/6/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
400	400	14	Bế Ngọc	Ánh	22/5/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	36/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
401	401	14	Nông Thị	Ảnh	14/5/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
402	402	14	Nguyễn Thị Hà	Bắc	02/9/1994	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
403	403	14	Triệu Văn	Bằng	10/4/1997	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	45/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
404	404	14	Ma Văn	Cầm	20/7/1994	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	42/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
405	405	14	Hoàng Thị Ngọc	Châm	08/7/1991	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	56/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
406	406	14	Hoàng Kim	Chánh	19/8/1995	Nam	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
407	407	14	Ma Thị Quế	Chi	01/02/1998	Nữ	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
408	408	14	Hoàng Thị	Chinh	10/9/1998	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
409	409	14	La Đình	Chung	11/3/1992	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
410	410	14	Trung Đức	Cơ	10/01/1994	Nam	Nùng	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
411	411	14	Dương Mạnh	Cường	15/11/1994	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	49/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
412	412	14	Nguyễn Ngọc	Đại	15/8/2001	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	39/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
413	413	14	Triệu Văn	Dần	13/11/1998	Nam	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
414	414	14	Nông Văn	Đẳng	11/11/1991	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
415	415	14	Nông Trường	Danh	27/8/1998	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	47/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
416	416	14	Triệu Đức	Đạt	30/01/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
417	417	14	La Thị	Điểm	23/01/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	58/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
418	418	14	Vy Thị	Điểm	14/5/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	57/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
419	419	14	Lường Thị Hồng	Diên	20/8/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	44/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
420	420	14	Bàn Thị	Dinh	14/3/1988	Nữ	Dao	Đại học	Lâm học	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
421	421	14	Vy Phương	Đoàn	26/3/1995	Nam	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	39/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
422	422	14	Hoàng Văn	Doanh	15/3/1995	Nam	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
423	423	15	Đặng Hoàng	Du	01/6/1994	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	47/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
424	424	15	Triệu Ứng	Duẩn	27/01/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
425	425	15	Lý Mạnh	Đức	31/3/2000	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
426	426	15	Lương Thị	Dung	25/4/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
427	427	15	Sùng	Dũng	01/1/1997	Nam	Mông	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
428	428	15	Đinh Tiến	Dũng	09/9/2000	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	39/60	Đạt	20/30	Đạt	4/30	Không đạt
429	429	15	Bùi Tùng	Dương	30/5/2001	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	26/30	Đạt	15/30	Đạt
430	430	15	Hoàng Đức	Duy	09/10/1992	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
431	431	15	Ma Văn	Duy	13/11/1992	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	30/60	Đạt	13/30	Không đạt		Miễn thi
432	432	15	Âu Thị Mỹ	Duyên	05/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
433	433	15	Ma Văn	Giang	25/7/1995	Nam	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	34/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
434	434	15	Nông Nguyệt	Hà	06/3/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	58/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
435	435	15	Hoàng Thị	Hằng	16/12/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
436	436	15	Lê Yến	Hằng	24/6/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	48/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
437	437	15	Hà Ngọc	Hạnh	02/9/1995	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
438	438	15	Nguyễn Thị	Hiên	24/8/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
439	439	15	Trần Thị	Hiền	02/01/1993	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
440	440	15	Lý Thị	Hiền	28/01/1999	Nữ	Dao	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
441	441	15	Triệu Đức	Hiển	15/12/1999	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	35/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
442	442	15	Hoàng Văn	Hiếu	06/02/1992	Nam	Nùng	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
443	443	15	Phạm Văn	Hiếu	11/02/1999	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	42/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
444	444	15	Lương Đàm	Hiệu	03/02/1999	Nam	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
445	445	15	Quách Thị	Hoa	27/6/1996	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	31/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
446	446	15	Dương Quang	Hóa	29/11/1992	Nam	Tày	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	56/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
447	447	15	Tô Thị	Hòa	07/11/1997	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	42/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
448	448	15	Nông Thị Việt	Hòa	03/6/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	49/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
449	449	15	Triệu Thị	Hoan	27/6/1995	Nữ	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
450	450	15	Lành Minh	Hoàn	12/8/1998	Nam	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
451	451	15	Đỗ Ngọc	Hoàng	06/10/1995	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
452	452	16	Trương Thị	Linh	02/02/1992	Nữ	Dao	Đại học	Kiến trúc	Quản lý kiến trúc - quy hoạch	Sở Xây dựng	Chuyên viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
453	453	16	Dương Minh	Đức	11/12/2000	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
454	454	16	Đỗ Đình	Huy	01/05/1994	Nam	Kinh	Đại học; Thạc sĩ	Đại học ngành Kinh tế xây dựng; Thạc sĩ Quản lý xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	42/60	Đạt	19/30	Đạt	5/30	Không đạt
455	455	16	Lường Duy	Linh	10/05/1995	Nam	Nùng	Đại học	Kinh tế xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	57/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
456	456	16	Nông Quang	Linh	16/06/1993	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
457	457	16	Hoàng Văn	Minh	21/11/1996	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	42/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
458	458	16	Ma Văn	Ngọc	16/05/1988	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	54/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
459	459	16	Lê Phi	Sơn	10/05/1997	Nam	Kinh	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
460	460	16	Nông Thị	Thảo	12/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	45/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
461	461	16	Lăng Thị	Thùy	11/01/1989	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
462	462	16	Phạm Hồng	Thủy	02/09/1991	Nam	Kinh	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt	16/30	Đạt
463	463	16	Nguyễn Duy	Trình	12/04/1983	Nam	Tày	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	42/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
464	464	16	Đặng Thái	Tùng	03/03/1994	Nam	Kinh	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình	Sở Xây dựng	Chuyên viên	35/60	Đạt	25/30	Đạt	15/30	Đạt
465	465	16	Nông Văn	Duy	05/07/1993	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật công trình thủy	Thủy lợi, phòng chống thiên tai	UBND huyện Ba Bể	Chuyên viên	51/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
466	466	16	Hoàng Văn	Thuấn	14/10/1990	Nam	Tày	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	48/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
467	467	17	Hứa Thị	Hợp	28/8/1996	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	46/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
468	468	17	Vương Trịnh	Huấn	30/10/1995	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
469	469	17	Đinh Thị	Huế	01/11/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
470	470	17	Bế Thị	Huế	21/02/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	57/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
471	471	17	Nông Thị	Huệ	22/10/1994	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	44/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
472	472	17	Triệu Thị	Hương	14/11/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
473	473	17	Triệu Văn	Hướng	30/9/1992	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
474	474	17	Nguyễn Thị	Hường	27/5/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	47/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
475	475	17	Đàm Thị	Huyên	14/5/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
476	476	17	Nông Minh	Huyền	06/3/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	56/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
477	477	17	Hà Thị Thu	Huyền	27/11/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	57/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
478	478	17	Ngô Trung	Kiên	09/09/2001	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
479	479	17	Thăng Trung	Kiên	22/9/1995	Nam	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	39/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
480	480	17	Hoàng Thị	Lành	19/4/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	59/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
481	481	17	Dương Thị	Lê	16/02/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
482	482	17	Mai Diễm	Linh	22/01/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	59/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
483	483	17	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	43/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
484	484	17	Lý Diệu	Linh	07/10/1999	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	40/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
485	485	17	Nông Thị Thùy	Linh	16/12/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	43/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
486	486	17	Phạm Thùy	Linh	19/3/1994	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
487	487	17	Hoàng Thị	Loanh	11/5/1992	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
488	488	17	Hoàng Thị	Lưu	28/10/1995	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
489	489	17	Nguyễn Thị	Ly	22/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	44/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
490	490	17	Triệu Thị	Lý	14/10/1993	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
491	491	17	Nguyễn Thị	Miền	31/3/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
492	492	17	Nguyễn Lưu	Mười	22/02/1994	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
493	493	17	Ma Thị Thùy	Nết	05/11/1998	Nữ	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	43/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
494	494	17	Lâm Thị	Ngân	31/3/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	57/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
495	495	18	Nông Thị	Ngân	01/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
496	496	18	Hoàng Trọng	Nghĩa	23/9/1991	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
497	497	18	Hà Bích	Ngọc	01/3/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
498	498	18	Lục Ánh	Nguyệt	07/01/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
499	499	18	Hà Minh	Nguyệt	17/12/1999	Nữ	Mường	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
500	500	18	Lục Thị	Nhình	21/5/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
501	501	18	Dương Hồng	Nhung	28/01/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	46/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
502	502	18	Hoàng Thị Hồng	Nhung	18/8/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
503	503	18	Đàm Thị Hồng	Nhung	29/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
504	504	18	Lê Thị Hiền	Nương	04/03/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	37/60	Đạt	10/30	Không đạt		Miễn thi
505	505	18	Hoàng Thị	Phấn	27/3/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
506	506	18	Giàng A	Phống	19/10/1995	Nam	Mông	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
507	507	18	Ngô Minh	Phương	22/01/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
508	508	18	Lý Thị Huệ	Phương	14/6/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	43/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
509	509	18	Nông Thị Minh	Phương	28/7/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
510	510	18	Nông Thị	Phượng	14/6/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
511	511	18	Triệu Bích	Phượng	26/6/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
512	512	18	Triệu Hồng	Quân	14/11/1999	Nam	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	39/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
513	513	18	Hoàng Mạnh	Quang	16/10/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	48/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
514	514	18	Dương Ngọc Tiểu	Quyên	27/4/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
515	515	18	Lộc Thị	Sen	18/6/1993	Nữ	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
516	516	18	Triệu Thị Kim	Soan	29/5/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	45/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
517	517	18	Hoàng Thị	Tấm	24/9/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
518	518	18	Dương Thị	Tấm	04/5/1998	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
519	519	18	Nông Sơn	Thái	16/5/1996	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
520	520	18	Hà Thị Hồng	Thắm	15/3/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	45/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
521	521	18	Bàn Hữu	Thắng	15/8/1999	Nam	Dao	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
522	522	18	Hoàng Thị	Thảo	13/5/1989	Nữ	Nùng	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
523	523	18	Trương Thiên	Thảo	05/9/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	56/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
524	524	19	Lê Thu	Thảo	19/9/1997	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	49/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
525	525	19	Đinh Thị Phương	Thảo	05/12/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	40/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
526	526	19	Hoàng Minh	Thế	09/11/1999	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
527	527	19	Hoàng Thị	Thơ	08/8/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	50/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
528	528	19	Mông Thị	Thóa	06/9/1995	Nữ	Tày	Đại học	Lâm sinh	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	40/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
529	529	19	Nông Văn	Thoại	17/02/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	47/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
530	530	19	Phùng Thị	Thu	27/7/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
531	531	19	Lý Thị	Thu	16/7/1987	Nữ	Nùng	Thạc sĩ	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	49/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
532	532	19	Hoàng Thị	Thu	28/9/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
533	533	19	Hoàng Văn	Thức	08/11/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
534	534	19	Lường Đại	Thược	29/02/1996	Nam	Nùng	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	38/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi
535	535	19	Lê Thị Thanh	Thùy	11/5/2000	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
536	536	19	Bàn Thị	Thúy	22/10/1992	Nữ	Dao	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
537	537	19	Hà Xuân	Thủy	07/8/1992	Nam	Tày	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	53/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
538	538	19	Ma Thị	Trang	18/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
539	539	19	Triệu Thị	Trang	03/3/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
540	540	19	Ma Thị Kiều	Trang	05/4/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
541	541	19	Chu Đức	Trưởng	03/5/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
542	542	19	Nguyễn Duy	Tuấn	14/02/1991	Nam	Tày	Đại học, Thạc sĩ	Đại học ngành Lâm nghiệp, Thạc sĩ Lâm học	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
543	543	19	Trần Minh	Tuấn	20/6/1987	Nam	San chi	Đại học	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	48/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
544	544	19	Liêu Đình	Tuế	11/6/1992	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	55/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
545	545	19	Hoàng Duy	Tùng	13/10/2001	Nam	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
546	546	19	Hoàng Thị	Uyên	21/06/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	52/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
547	547	19	Nông Thị Quỳnh	Vân	11/11/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
548	548	19	Nguyễn Duy	Việt	03/4/1995	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
549	549	19	Trịnh Thị	Vui	26/3/2001	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	54/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
550	550	19	Nông Thị	Vui	18/9/1999	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	57/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
551	551	19	Bùi Hải	Yến	15/02/1998	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	51/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
552	552	19	Ma Thị Hải	Yến	09/6/1996	Nữ	Tày	Đại học	Luật	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
553	553	20	Lục Diệp	Anh	29/11/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kinh doanh quốc tế	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	56/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
554	554	20	Lường Văn	Đức	15/3/1998	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
555	555	20	Triệu Thị	Hằng	22/5/2000	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
556	556	20	Hoàng Văn	Tiến	30/6/1988	Nam	Tày	Đại học	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	42/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
557	557	20	Đinh Xuân	Trường	26/10/1997	Nam	Tày	Đại học	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	32/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
558	558	20	Hoàng Minh	Tuấn	02/5/1992	Nữ	Tày	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực kinh tế)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
559	559	20	Triệu Thị Thu	Hồng	22/6/1993	Nữ	Tày	Đại học	Y học dự phòng	Quản lý nghiệp vụ y; Quản lý dược mỹ phẩm; Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
560	560	20	Hoàng Thị	Thảo	06/5/1989	Nữ	Tày	Đại học	Y tế công cộng	Quản lý nghiệp vụ y; Quản lý dược mỹ phẩm; Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
561	561	20	Hoàng Thị Kiều	Oanh	26/3/1996	Nữ	Tày	Đại học	Y khoa	Quản lý nghiệp vụ y	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	51/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
562	562	20	Bế Minh	Quyết	25/4/1993	Nam	Nùng	Đại học	Y tế công cộng	Quản lý nghiệp vụ y	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên	56/60	Đạt	15/30	Đạt		Miễn thi
563	563	20	Vy Thị Huyền	Trang	11/3/1997	Nữ	Tày	Đại học	Dược sỹ	Quản lý nghiệp vụ y	UBND huyện Na Rì	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
564	564	20	Hà Huy	Hiếu	19/10/2000	Nam	Tày	Đại học	Dược học	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
565	565	20	Bàn Long	Kinh	06/5/1994	Nam	Dao	Đại học	Y khoa	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
566	566	20	Nguyễn Thị	Lan	03/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Y khoa	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
567	567	20	Triệu Thị Tuế	Mai	26/11/1997	Nữ	Nùng	Đại học	Y tế công cộng	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	55/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
568	568	20	Dương Hàn	My	16/12/1996	Nữ	Tày	Đại học	Y học dự phòng	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	47/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
569	569	20	Bàn Thị Ngọc	Vân	09/12/1993	Nữ	Dao	Đại học	Y tế công cộng	Quản lý nhà nước về y tế	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
570	570	21	Nông Hoàng	Hiệp	04/01/1999	Nam	Nùng	Đại học	Kinh tế phát triển	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND thành phố	Chuyên viên	48/60	Đạt	29/30	Đạt		Miễn thi
571	571	21	Lê Quang	Quý	22/6/1999	Nam	Tày	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND thành phố	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
572	572	21	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Giáo dục mầm non	Quản lý giáo dục mầm non	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
573	573	21	Hứa Thị	Sen	10/10/1990	Nữ	Tày	Đại học	Giáo dục mầm non	Quản lý giáo dục mầm non	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	52/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
574	574	21	Đồng Thị	Tuyết	11/10/1995	Nữ	Tày	Đại học	Giáo dục mầm non	Quản lý giáo dục mầm non	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
575	575	21	Hoàng Thị	Vân	10/6/1998	Nữ	Dao	Đại học	Giáo dục mầm non	Quản lý giáo dục mầm non	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	41/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
576	576	21	Hà Thị Hồng	Hạnh	06/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	49/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
577	577	21	Sầm Thị Phương	Lan	28/02/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
578	578	21	Chu Nhật	Lệ	03/11/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	47/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
579	579	21	Nông Thị	Lý	09/10/1999	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	48/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
580	580	21	Trịnh Hồng	Nhung	05/08/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Bỏ thi
581	581	21	Hà Thị	Phương	15/08/1992	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
582	582	21	Hà Diễm	Quỳnh	17/12/2001	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	51/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
583	583	21	Ma Thị Phương	Thảo	25/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
584	584	21	Trần Đức	Thịnh	14/11/1999	Nam	Kinh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	49/60	Đạt	28/30	Đạt	25/30	Đạt
585	585	21	Hoàng Thị	Thư	23/11/1994	Nữ	Tày	Đại học	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	38/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
586	586	21	Hoàng Thị	Vân	15/10/1997	Nữ	Tày	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện Bạch Thông	Chuyên viên	43/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
587	587	22	Đinh Hữu	Bảo	06/06/1997	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	40/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
588	588	22	Trương Thị	Chín	30/06/1989	Nữ	Nùng	Đại học	Xây dựng cầu - đường bộ	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	50/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi
589	589	22	Hoàng Đức	Điềm	26/09/1995	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	46/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
590	590	22	Ma Doãn	Duy	20/01/1994	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	43/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
591	591	22	Nông Việt	Hưng	05/03/1996	Nam	Tày	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	53/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
592	592	22	Hoàng Minh	Quang	23/05/1995	Nam	Nùng	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý kế hoạch	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	37/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
593	593	22	Nông Thị	Hậu	19'3'1986	Nữ	Tày	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn thư viên trung cấp	44/60	Đạt	17/30	Đạt		Miễn thi
594	594	22	Thang Thị Lệ	Quyên	15/5/1992	Nữ	Tày	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn thư viên trung	46/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
595	595	22	Đinh Thanh	Cầm	10/10/2001	Nữ	Tày	Đại học	Lưu trữ học	Văn thư - Lưu trữ	Huyện ủy Ngân Sơn	Văn thư viên	47/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
596	596	22	Chu Thị Thu	Hà	19/5/1995	Nữ	Dao	Đại học	Quản trị văn phòng	Văn thư - Lưu trữ	Huyện ủy Ngân Sơn	Văn thư viên	35/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
597	597	22	Hà Hồng	Ngọc	22/11/1999	Nữ	Tày	Đại học	Lưu trữ học	Văn thư - Lưu trữ	Huyện ủy Ngân Sơn	Văn thư viên	50/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
598	598	22	Nghiêm Thục	Chinh	31/3/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Lưu trữ học	Văn thư - Lưu trữ	Huyện ủy Ngân Sơn	Văn thư viên	48/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
599	599	22	Lý Thị Quỳnh	Thư	25/6/1999	Nữ	Tày	Đại học	Quản trị văn phòng	Văn thư - Lưu trữ	Huyện ủy Ngân Sơn	Văn thư viên	41/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
600	600	23	Hoàng Văn	Hiếu	04/09/1999	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin	Sở Y tế	Chuyên viên	50/60	Đạt		Miễn thi	30/30	Đạt
601	601	23	Nông Thị Hoàng	Lam	07/03/1999	Nữ	Tày	Đại học	An toàn thông tin	Công nghệ thông tin	Sở Y tế	Chuyên viên	56/60	Đạt		Miễn thi		Miễn thi
602	602	23	Đặng Thái	Luân	30/11/1991	Nam	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Sở Y tế	Chuyên viên	55/60	Đạt		Miễn thi	20/30	Đạt
603	603	23	Hà Thiêm	Thượng	26/07/1993	Nam	Tày	Đại học	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin	Sở Y tế	Chuyên viên	42/60	Đạt		Miễn thi		Miễn thi
604	604	23	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/12/1996	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	52/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
605	605	23	Trương Thị	Bày	04/7/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	41/60	Đạt	27/30	Đạt		Miễn thi
606	606	23	Ma Thị	Châm	26/10/2000	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	41/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
607	607	23	Nông Đức	Chiến	16/3/1998	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	36/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
608	608	23	Đặng Thị Kiều	Trinh	11/6/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	45/60	Đạt	25/30	Đạt		Miễn thi
609	609	23	Nông Khánh	Duy	04/10/2000	Nam	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	43/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
610	610	23	Hà Thị	Hoa	06/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	41/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
611	611	23	Bàn Thị	Lan	07/8/1999	Nữ	Dao	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	46/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
612	612	23	Hoàng Thị	Lô	19/3/1994	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	53/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
613	613	23	Lý Tiến	Lợi	23/9/1996	Nam	Tày	Đại học	Khoa học và Quản lý môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	39/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
614	614	23	Hoàng Hồng	Sơn	10/5/1998	Nam	Tày	Đại học	Khoa học và Quản lý môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	40/60	Đạt	28/30	Đạt		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
615	615	23	Hoàng Thị Dương	Triều	28/11/2001	Nữ	Tày	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Chuyên viên	50/60	Đạt	26/30	Đạt		Miễn thi
616	616	23	Phùng Minh	Tuấn	20/10/1990	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học máy tính	Quản lý chính quyền điện tử và đô thị thông minh	UBND thành phố	Chuyên viên	36/60	Đạt		Miễn thi	19/30	Đạt
617	617	23	Hoàng Thị	Yến	26/6/1989	Nữ	Tày	Đại học	Công nghệ thông tin	Quản lý chính quyền điện tử và đô thị thông minh	UBND thành phố	Chuyên viên	51/60	Đạt		Miễn thi		Miễn thi
618	618	24	Hà Ngọc	Anh	08/4/1995	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	44/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
619	619	24	Ma Thị	Chinh	28/8/1994	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	47/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
620	620	24	Dương Thị Kim	Cúc	11/7/1994	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
621	621	24	Ma Thị Kiều	Diễm	18/3/1997	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	42/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
622	622	24	Nông Minh	Đô	10/3/1998	Nam	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	42/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
623	623	24	Nông Trần	Đức	08/10/1994	Nam	Tày	Đại học	Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	56/60	Đạt	24/30	Đạt		Miễn thi
624	624	24	Hoàng Thị	Dung	08/10/1993	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	47/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
625	625	24	Đặng Thu	Hà	18/12/1993	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	54/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
626	626	24	Tô Thị	Hạnh	22/02/1994	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	53/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
627	627	24	Lục Văn	Hào	08/8/1994	Nam	Tày	Đại học	Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	42/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
628	628	24	Triệu Đức	Hậu	10/5/1995	Nam	Dao	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	53/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
629	629	24	Lộc Văn	Hiển	17/5/1993	Nam	Tày	Đại học	Thú y	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	37/60	Đạt	13/30	Không đạt		Miễn thi
630	630	24	La Văn	Huân	30/11/1990	Nam	Tày	Đại học	Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
631	631	24	Nông Văn	Hùng	28/10/1997	Nam	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	36/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
632	632	24	Hoàng Thị	Huyến	20/4/1992	Nữ	Nùng	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	51/60	Đạt	20/30	Đạt		Miễn thi
633	633	24	Trần Thị	Ngân	29/04/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Thú y	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	45/60	Đạt	16/30	Đạt	22/30	Đạt
634	634	24	Triệu Thị	Ngọc	07/8/1997	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
635	635	24	Thân Liêu Minh	Nhật	02/7/1989	Nam	Tày	Đại học, thạc sĩ	Đại học ngành công nghiệp nông thôn; Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	43/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
636	636	24	Hoàng Thị Hồng	Nhung	26/02/1997	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	50/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
637	637	24	Lường Thị Kim	Oanh	29/02/1992	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	47/60	Đạt	23/30	Đạt		Miễn thi
638	638	24	Nông Dương	Quế	04/5/1996	Nam	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Miễn thi		Miễn thi
639	639	24	Ma Thị	Thơm	11/9/1998	Nữ	Tày	Đại học	Khoa học cây trồng	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi

TT	SBD	Phòng thi	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Ngành hoặc chuyên ngành	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Ngạch	Kiến thức chung		Tin học		Tiếng Anh	
													Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả	Số câu trả lời đúng	Kết quả
640	640	24	Hoàng Thương	Thương	07/11/1995	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	49/60	Đạt	19/30	Đạt		Miễn thi
641	641	24	Hoàng Thị	Thuyên	17/12/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	46/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
642	642	24	Hà Thị	Tiệm	04/8/1994	Nữ	Tày	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	51/60	Đạt	21/30	Đạt		Miễn thi
643	643	24	Vũ Thủy	Tiên	18/6/1992	Nữ	Tày	Đại học	Chăn nuôi thú y	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	44/60	Đạt	18/30	Đạt		Miễn thi
644	644	24	Quách Thị Kiều	Trinh	12/8/1998	Nữ	Tày	Đại học	Thú y	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên		Bỏ thi		Bỏ thi		Miễn thi
645	645	24	Lý Hương	Tuyền	07/10/1997	Nữ	Tày	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	47/60	Đạt	22/30	Đạt		Miễn thi
646	646	24	Triệu Thị	Tuyết	13/6/1994	Nữ	Dao	Đại học	Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp *(lĩnh vực nông nghiệp)*	UBND huyện Ngân Sơn	Chuyên viên	48/60	Đạt	16/30	Đạt		Miễn thi

(Ấn định danh sách này gồm 646 thí sinh)